

Bản án số: 06/2024/KDTM-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v tranh chấp Hợp đồng đại lý.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Hiếu Xuyên**;
2. Ông **Lê Văn Đà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2024/TLST-KDTM ngày 12/3/2024 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng đại lý" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-KDTM ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần K**

Trụ sở: **Số A B, Khu V, Phường H, Quận C, Thành Phố Cần Thơ**. Điện thoại: 02923 74 33 74; Mã số thuế: 1801630005.

Mã số doanh nghiệp: 1801630005, đăng ký lần đầu ngày 27/02/2019.
Người đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Bảo T** – chức vụ: Giám đốc. (có mặt)

2. Bị đơn: **Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q**

Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang**.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 52K8010456.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang**. Số điện thoại: 0919.566.081 - 0919.848.718 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Võ Thị Kiều N**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Công ty Cổ phần K** do ông **Nguyễn Bảo T** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần K (sau đây gọi tắt là **Công ty K**) chuyên sản xuất phân bón. Ngày 01/10/2022, **Công ty K** có ký kết Hợp đồng đại lý số AG22/HĐĐL với **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** do ông **Nguyễn Thành Q** là chủ hộ, nội dung cụ thể:

- Về cách thức giao hàng: **Công ty K** bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** thành nhiều đợt, Công ty giao hàng qua cửa hàng của ông **Q** và có ra phiếu xuất kho bán hàng giao hàng cho ông **Q** ký nhận. Sau đó **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** bán lẻ lại cho người dân để thu lợi nhuận.

- Về thời gian và phương thức thanh toán: Công ty sẽ cho **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** thanh toán ngay hoặc nợ lại trong vòng 90 ngày mới thanh toán (theo vụ mùa của nông dân). Với hóa đơn mua hàng trên 90 ngày chưa thanh toán, **Công ty K** sẽ tính lãi suất thanh toán chậm với **H** kinh doanh **Nguyễn Thành Q** với mức lãi suất là 0,067%/ngày trên tổng số nợ quá hạn. Hàng tháng hai bên sẽ tiến hành đối chiếu công nợ.

- Hai bên thỏa thuận nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì sẽ khởi kiện đến Tòa án.

Trong quá trình mua bán ông **Nguyễn Thành Q** và bà **Võ Thị Kiều N** (vợ ông **Q**) thay phiên trực tiếp giao dịch với **Công ty K** (thể hiện qua việc ký nhận các Phiếu xuất kho bán hàng với **Công ty K**). Đến ngày 23/8/2023, **Công ty K** có ký Chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng với ông **Nguyễn Thành Q**, theo đó ông **Q** xác nhận Hộ kinh doanh **Nguyễn Thành Q** còn nợ lại **Công ty K** số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 45.591.000 đồng và cam kết sẽ trả xong trong năm 2023. Đến ngày 30/8/2023, ông **Q** trả được số tiền gốc là 5.000.000 đồng rồi không trả trả được số tiền nào nữa. Mặc dù, phía **Công ty K** nhiều lần liên lạc nhắc nhở việc trả nợ quá hạn cũng như tạo điều kiện cho phía Hộ kinh doanh **Nguyễn Thành Q** trả nợ nhưng phía ông **Q** cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của **Công ty K**.

Tại đơn khởi kiện **Công ty Cổ phần K** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quán Thi thanh toán cho **Công ty Cổ phần K** tổng số tiền nợ mua thuốc Bảo vệ thực vật là 45.404.687 đồng, trong đó: Nợ gốc: 40.591.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ sau thời điểm thanh toán cuối cùng ngày 30/08/2023 đến ngày 23/02/2024 là 4.813.687 đồng. Đề nghị **Cửa hàng V** tiếp tục phải trả lãi chậm trả 2.01%/tháng đối với tiền chậm thanh toán

từ ngày 24/02/2024 đến khi kết thúc vụ kiện. Tuy nhiên ngày 03/5/2024, nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty không yêu cầu Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quán Thi thanh toán cho Công ty Cổ phần K nữa mà yêu cầu H kinh doanh Nguyễn Thành Q (do ông Nguyễn Thành Q là chủ hộ) thanh toán cho Công ty Cổ phần K tổng số tiền nợ gốc, lãi như trên.

Tại phiên tòa hôm nay, phía Công ty K xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 1,67%/tháng đối với số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ là 40.591.000 đồng tính từ ngày 31/08/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với khoản tiền hoa hồng bị đơn đề cập thì phía Công ty K có ý kiến như sau: Công ty K đã thực chi số tiền Chiết khấu cho H kinh doanh Nguyễn Thành Q (trừ trực tiếp đơn hàng đã giao ngày 04/10/2022) số tiền là 1.669.000 đồng. Đơn hàng 06/12/2022 nhận hàng chương trình thẻ cào trúng thưởng, giá bán tiền mặt nên không chiết khấu. Theo quy định hợp đồng đã ký giữa 02 bên thì tất cả các đơn hàng thanh toán sau khi nhận được hàng hoặc thanh toán trễ không quá 07 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán theo chính sách bán hàng của bên A (Công ty K) tại thời điểm đó. Bên B (Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q) đã quá hạn thanh toán so với thời gian trong Hợp đồng nên sẽ không được nhận chiết khấu thanh toán theo chính sách bán hàng hiện tại và phải chịu mức lãi suất thanh toán chậm 2,01%/tháng, phía Công ty cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án theo quy định.

Bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q – do ông Nguyễn Thành Q là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông Q.

Tại đơn xin tạm hoãn đề ngày 07.4.2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N trình bày: “...nay tôi làm đơn này xin Tòa án Thoại Sơn tạm hoãn vụ án của công ty cổ phần K. Về phía Hà Lan chưa tính hết tiền hoa hồng...”. Ngoài đơn xin tạm hoãn vụ án trên thì dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Q có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần K số tiền nợ gốc là 40.591.000 đồng và lãi suất 1,67%/tháng đối với số tiền nợ gốc 40.591.000 đồng tính từ ngày

31/08/2023 đến ngày xét xử (16/7/2024). Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì Công ty Cổ phần K có Giấy đăng ký kinh doanh số: 1801630005, đăng ký lần đầu ngày 27/02/2019 và hiện còn đang hoạt động. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại Công văn số 130/PTCKH ngày 21/3/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch thể hiện "...Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q vẫn còn đang hoạt động không có gửi thông báo tạm ngưng hay giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh", chủ hộ vẫn là ông Nguyễn Thành Q; Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là Hợp đồng đại lý, chủ thể trong hợp đồng và thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần K có tư cách pháp nhân, H kinh doanh Nguyễn Thành Q (cá nhân) chủ hộ là ông Nguyễn Thành Q có mục đích kinh doanh và lợi nhuận nên đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017) và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ kinh doanh trên địa bàn huyện T, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q (do ông Nguyễn Thành Q là chủ hộ) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 73, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Q, bà N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng đại lý và yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả nợ gốc.

Xét thấy hợp đồng đại lý số AG22/HĐDL ngày 01/10/2022 đã được các bên thống nhất ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thoả thuận không trái pháp luật và đến thời điểm ký xác nhận nợ thì ông Nguyễn Thành Q đã có giấy phép đăng ký hộ kinh doanh theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Điều 3, Điều 6 và Mục 4 Chương V của Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017) xác định thoả thuận hợp đồng của hai bên nêu trên là một trong các hoạt động trung gian

thương mại, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng đại lý giữa Công ty K với H kinh doanh Nguyễn Thành Q là hợp pháp và các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

Theo quy định của pháp luật Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, khi phát sinh các khoản nợ, chủ hộ kinh doanh là cá nhân phải chịu trách nhiệm trả hết nợ, không phụ thuộc vào số tài sản kinh doanh hay dân sự mà họ đang có; không phụ thuộc vào việc họ đang thực hiện hay đã chấm dứt thực hiện hoạt động kinh doanh. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành Q vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với Hợp đồng đại lý số AG22/HĐDL ngày 01/10/2022 và Bảng Chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng ngày 23/8/2023 (02 văn bản trên đều có đầy đủ chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Thành Q – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q) và yêu cầu trả gốc lãi của nguyên đơn theo Thông báo Thụ lý vụ án của Tòa án nên việc ông Nguyễn Thành Q - Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q còn nợ Công ty K số tiền gốc là 40.591.000 đồng (nguyên đơn xác nhận ngày 30/8/2023 bị đơn trả được 5.000.000 đồng tiền nợ gốc) là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là việc không cần phải chứng minh. Do H kinh Nguyễn Thành Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q (do ông Nguyễn Thành Q là chủ hộ) phải có nghĩa vụ trả cho Công ty K số tiền nợ gốc là 40.591.000 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi với lãi suất là 1,67%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 40.591.000 đồng tính từ ngày thanh toán trễ hạn (ngày 31/8/2023) đến ngày xét xử (ngày 16/7/2024). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi (0,34%/tháng) đối với số tiền nợ gốc của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Lãi suất 1,67%/tháng phù hợp mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng đại lý (2,01%/tháng) và phù hợp với quy định về lãi suất quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận. Theo đó, số tiền lãi H kinh doanh Nguyễn Thành Q phải trả cho Công ty K từ ngày 31/8/2023 đến ngày 16/7/2024 là 7.216.178 đồng (40.591.000 đồng x 1,67%/tháng x 10 tháng 15 ngày).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi H kinh doanh Nguyễn Thành Q (do ông Nguyễn Thành Q là chủ hộ) phải trả cho Công ty K là 47.807.178 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 40.591.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 7.216.178 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu xin tạm hoãn giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N:

Tại đơn xin tạm hoãn giải quyết vụ án ngày 07/4/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều N gửi đến Tòa án nhân dân huyện

Thoại Sơn, bà N trình bày: “...tôi làm đơn này xin Tòa án tạm hoãn vụ án của công ty cổ phần K. Về phía Hà Lan chưa tính hết tiền huê hồng...”. Tuy nhiên bà N không cung cấp được bất cứ chứng cứ gì về việc Công ty K chưa tính toán tiền hoa hồng với bị đơn cũng như phía nguyên đơn đã cung cấp được chứng cứ chứng minh đã chi tiền hòa hồng cho bị đơn theo quy định nên yêu cầu hoãn giải quyết vụ án của bà N để tính toán lại tiền hoa hồng với nguyên đơn là không có căn cứ.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 73, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 6 và Mục 4 Chương V của Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi 0,34%/tháng từ ngày 31/8/2023 đến khi kết thúc vụ án đối với số tiền nợ gốc 40.591.000 đồng của nguyên đơn do nguyên đơn tự nguyện rút.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Q (do ông Nguyễn Thành Q là chủ hộ) phải trả cho Công ty Cổ phần K số tiền nợ gốc, lãi là 47.807.178 đồng (bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 40.591.000 đồng và tiền nợ lãi là 7.216.178 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

-Hộ kinh doanh **Nguyễn Thành Q** (do ông **Nguyễn Thành Q** là chủ hộ) phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- **Công ty Cổ phần K** không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013678 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

- CÁC HỘI ĐỒNG XÉTỬ SỰ PHÁN M. HỘI Đ**
TAND tỉnh An Giang
THAM PHÁN CHỦ TỊCH PHÂN
DAN **TÒA**
- TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện Thoại Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
 - Các đương sự (để thi hành);
 - Lưu.

Trần Thị Cẩm Xuyên

Trần

**Trần Thị Cẩm
Xuyên**

N

-

-

-

-

-

-

